

## BÁO CÁO

### Kết quả kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2018

Thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Văn phòng Chính phủ kết quả kiểm soát TTHC Quý II năm 2018, cụ thể như sau:

#### **I. Kết quả đạt được**

##### 1. Về kiểm soát quy định TTHC

Trong Quý II năm 2018, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện việc kiểm soát quy định TTHC theo đúng quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Trong Quý II năm 2018, UBND tỉnh Đắk Lắk không có văn bản QPPL nào có quy định về TTHC cần tham gia ý kiến và thực hiện đánh giá tác động theo quy định.

##### 2. Về kiểm soát thực hiện TTHC

2.1. Kết quả công bố, công khai và nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

###### *a) Kết quả và số lượng TTHC được ban hành, công bố*

Trong Quý II năm 2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 01 Quyết định công bố TTHC và 04 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 về việc công bố TTHC lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk;

+ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk;

+ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc công bố Danh mục TTHC trong lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

+ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk.

*(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 03b/VPCP/KSTT)*

*b) Tình hình công khai và cập nhật TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC*

Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh nhập và đăng tải công khai các TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi công bố.

Để công khai TTHC, ngoài việc cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia, các bộ TTHC ngay sau khi UBND tỉnh công bố đều được các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc tại nơi thực hiện TTHC; đồng thời, công khai trên các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, các bộ TTHC này cũng được đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

## 2.2. Kết quả giải quyết TTHC

Trong Quý II năm 2018, các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết tổng số 594.936 hồ sơ; trong đó, cấp tỉnh: 153.802 hồ sơ, cấp huyện: 32.659 hồ sơ, cấp xã: 408.475 hồ sơ.

Trong số 594.936 hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết, có 554.344 hồ sơ đã được giải quyết (trong đó có 699 hồ sơ trả quá hạn) và 40.531 hồ sơ đang giải quyết (trong đó có 32 hồ sơ quá hạn). Tổng số hồ sơ được giải quyết theo cơ chế một cửa là 506.257 (trong đó có 640 hồ sơ quá hạn). Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn và hồ sơ trả quá hạn chủ yếu thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, nguyên nhân chủ yếu là do công dân chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính; cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn, đặc biệt trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ...

*(Kết quả chi tiết kèm theo tại Biểu số 06đ/VPCP/KSTT và Biểu số 06g/VPCP/KSTT)*

Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: Đến nay, tỉnh đã triển khai Hệ thống dịch vụ hành chính

công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông tại 34 đơn vị, gồm: 19 sở, ban, ngành và 15/15 UBND huyện, thị xã, thành phố. Đến thời điểm hiện tại, đã thiết lập 1.011 TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 2; 545 TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 48 TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 4.

### 3. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính

*a) Về tiếp nhận và xử lý thường xuyên các phản ánh, kiến nghị về TTHC theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP*

Để thực hiện nhiệm vụ này, UBND tỉnh ban hành Công văn số 9821/UBND-KSTTHC ngày 07/12/2017 hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nghiêm túc, công khai thông tin, địa chỉ tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong Quý II năm 2018, tỉnh tiếp nhận 02 phản ánh, kiến nghị về việc gây khó khăn, những nhiễu kéo dài thời gian không thực hiện TTHC về hòa giải đất đai và việc một số hộ dân không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị trả hồ sơ không rõ lý do. Thực hiện đúng quy định, Văn phòng UBND tỉnh đã có Công văn số 321/VPUBND-KSTTHC ngày 08/6/2018 và Công văn số 328/VPUBND-KSTTHC ngày 15/6/2018 đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh, làm rõ thông tin phản ánh và báo cáo kết quả xác minh, xử lý về Văn phòng UBND tỉnh.

Đến nay, 01 vụ việc đã được giải quyết, còn 01 vụ việc đang được giải quyết theo quy định của pháp luật.

*b) Về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC thông qua khảo sát nhu cầu thực tế tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh*

Song song với việc tiếp nhận thường xuyên các phản ánh, kiến nghị về TTHC, nhằm chủ động nắm bắt nhu cầu phản ánh của cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC, Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 262/KH-VPUBND ngày 21/5/2018 để triển khai thực hiện khảo sát những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND thị xã Buôn Hồ và UBND các huyện: Buôn Đôn, Cư Kuin, M'Đăk, Krông Năng, Krông Bông, Krông Ana, Ea Kar, Ea Súp. Theo Kế hoạch, việc khảo sát sẽ được thực hiện trong tháng 7 và tháng 8 năm 2018.

### 4. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2018 (ban hành kèm theo Quyết định số 3655/QĐ-

UBND ngày 29/12/2017). Theo Kế hoạch, có tất cả 15 cơ quan, đơn vị<sup>1</sup> được giao chủ trì triển khai thực hiện rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của cơ quan, đơn vị mình; bên cạnh đó, Kế hoạch còn xác định rà soát theo nhiệm vụ trọng tâm đối với 04 lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Theo Kế hoạch, trong Quý II năm 2018, Văn phòng UBND tỉnh sẽ hoàn thành việc đánh giá độc lập các TTHC thuộc lĩnh vực Công Thương. Đến nay, việc rà soát đang được hoàn thiện theo Kế hoạch.

#### 5. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc, công khai các TTHC tại các trụ sở làm việc, trên các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa chỉ để người dân, doanh nghiệp tra cứu, áp dụng về TTHC; đồng thời, đã được Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: [www.daklak.gov.vn](http://www.daklak.gov.vn).

Bên cạnh việc duy trì nghiêm túc, công khai các TTHC tại các trụ sở làm việc, trên các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, đầu năm 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC (Kế hoạch số 40/KH-VPUBND ngày 23/01/2018). Theo Kế hoạch, Văn phòng UBND tỉnh tăng cường hoạt động truyền thông, đăng tải các tin bài về công tác kiểm soát TTHC trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh.

#### 6. Về công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong Quý II năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 11/5/2018 về kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh. Theo Kế hoạch, việc kiểm tra sẽ được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2018 tại 06 cơ quan, đơn vị, gồm các Sở: Y tế, Công Thương, Xây dựng và UBND các huyện: Krông Bông, Cư Kuin, Ea Kar.

#### 7. Nội dung khác

Ngoài những nội dung trên, trong Quý II năm 2018, tỉnh đã tổ chức tập huấn cho 85 công chức đầu mối và công chức có tham gia thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

---

<sup>1</sup> Các sở: Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh.

## II. Phương hướng, nhiệm vụ Quý III năm 2018

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh năm 2018; đồng thời, đôn đốc các sở, ban ngành có liên quan kịp thời tham mưu công bố danh mục TTHC theo quy định.

2. Hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL liên quan đến công tác kiểm soát TTHC.

3. Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2018 trên địa bàn tỉnh.

4. Triển khai thực hiện Kế hoạch khảo sát, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính năm 2018; đồng thời, tiếp nhận, xử lý thường xuyên các phản ánh kiến nghị của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định.

5. Thực hiện tốt việc góp ý và thẩm định đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có chứa TTHC do các sở, ban, ngành gửi đến.

6. Kiểm soát chất lượng các Dự thảo Quyết định công bố TTHC, Quyết định công bố Danh mục TTHC do các sở, ban, ngành gửi đến và kịp thời nhập, đăng tải bổ sung các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

7. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị duy trì việc công khai, niêm yết công khai các TTHC do cơ quan, đơn vị giải quyết tại trụ sở làm việc, trên các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

8. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC, thường xuyên đưa tin, bài về công tác kiểm soát TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Xây dựng báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát TTHC Quý II năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, HCTC;
- Lưu: VT, KSTTHC (D\_10).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



Biểu số 05a/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ  
(PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2018  
(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:  
UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Đơn vị nhận báo cáo:  
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Đã xử lý				Đang xử lý				
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	9	10	11	12	
Tài nguyên môi trường	02	02	0	01	01	0	01	0	01	01	0	0

Biểu số 06đ/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2018  
(Từ ngày 16/3/2018 đến ngày 15/6/2018)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Đắk Lắk

Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	594.936	11.611	35.558	547.647	554.344	553.591	699	40.531	40.493	32	506.257	465.457	640	40.160
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	153.802	2.844	34.098	116.860	115.166	114.619	547	38.639	38.614	25	134.035	94.852	547	38.636
I	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	99	0	0	99	97	97	0	2	2	0	99	97	0	2
1	Lĩnh vực quản lý nhà nước về Hội	4	0	0	4	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
2	Lĩnh vực thanh tra	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0
3	Lĩnh vực quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
4	Lĩnh vực quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	79	0	0	79	77	77	0	2	2	0	79	77	0	2
II	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	1.247	898	21	328	1.230	1.230	0	17	17	0	1.247	1.230	0	17
1	Lĩnh vực Dầu khí	89	0	9	80	82	82	0	7	7	0	89	82	0	7
2	Lĩnh vực xúc tiến thương mại	1.142	895	10	237	1.133	1.133	0	9	9	0	1.142	1.133	0	9



3	Lĩnh vực công nghiệp thực phẩm	10	0	1	9	9	9	0	1	1	0	10	9	0	1
4	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	3	0	1	2	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0
5	Lĩnh vực công nghiệp	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
6	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
<b>III</b>	<b>TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>1.318</b>	<b>300</b>	<b>47</b>	<b>971</b>	<b>1.262</b>	<b>1.262</b>	<b>0</b>	<b>56</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>1.318</b>	<b>1.262</b>	<b>0</b>	<b>56</b>
1	Lĩnh vực khám, chữa bệnh	360	300	15	45	336	336	0	24	24	0	360	336	0	24
2	Lĩnh vực dược	463	0	32	431	439	439	0	24	24	0	463	439	0	24
3	Lĩnh vực an toàn VSTP	495	0	0	495	487	487	0	8	8	0	495	487	0	8
<b>IV</b>	<b>TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>163</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>136</b>	<b>141</b>	<b>141</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>163</b>	<b>141</b>	<b>0</b>	<b>22</b>
1	Lĩnh vực tài chính ngân sách	163	0	27	136	141	141	0	22	22	0	163	141	0	22
<b>V</b>	<b>TTHC do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>678</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>678</b>	<b>678</b>	<b>678</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>678</b>	<b>678</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực người có công	648	0	0	648	648	648	0	0	0	0	648	648	0	0
2	Lĩnh vực lao động-tiền lương BHXH	11	0	0	11	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
3	Lĩnh vực dạy nghề	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
4	Lĩnh vực việc làm-an toàn lao động	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0
<b>VI</b>	<b>TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>430</b>	<b>436</b>	<b>436</b>	<b>0</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>470</b>	<b>436</b>	<b>0</b>	<b>34</b>
1	Lĩnh vực xây dựng	442	0	34	408	409	409	0	33	33	0	442	409	0	33
2	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	11	0	5	6	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
3	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0

4	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	9	0	1	8	9	9	0	0	0	0	9	9	0	0
5	Lĩnh vực quản lý dự án	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1
6	Lĩnh vực thanh tra chuyên ngành	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
<b>VII</b>	<b>TTHC do Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>19.172</b>	<b>1.320</b>	<b>378</b>	<b>17.474</b>	<b>18.987</b>	<b>18.987</b>	<b>0</b>	<b>185</b>	<b>185</b>	<b>0</b>	<b>19.172</b>	<b>18.987</b>	<b>0</b>	<b>185</b>
1	Lĩnh vực đường bộ	19.171	1.320	378	17.473	18.987	18.987	0	184	184	0	19.171	18.987	0	185
2	Lĩnh vực khiêu nai, tổ cáo	1	0	0	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1
<b>VIII</b>	<b>TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>22</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Lĩnh vực báo chí và xuất bản	11	10	1	0	11	11	0	0	0	0	11	11	0	0
2	Lĩnh vực bưu chính viễn thông	10	7	2	1	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0
3	Lĩnh vực công nghệ thông tin	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
<b>IX</b>	<b>TTHC do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>1.248</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1.245</b>	<b>1.238</b>	<b>1.238</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>298</b>	<b>288</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	Lĩnh vực chăn nuôi thú y	1.050	0	2	1.048	1.045	1.045	0	5	5	0	100	95	0	5
2	Lĩnh vực nông, lâm sản và thủy sản	102	0	0	102	102	102	0	0	0	0	102	102	0	0
3	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	69	0	1	68	67	67	0	2	2	0	69	67	0	2
4	Lĩnh vực kiểm lâm	25	0	0	25	22	22	0	3	3	0	25	22	0	3
5	Lĩnh vực thủy sản	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
<b>X</b>	<b>TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>40</b>	<b>41</b>	<b>41</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>41</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
1	Lĩnh vực Đoàn ra	35	0	1	34	33	33	0	2	2	0	35	33	0	2

2	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế	9	0	3	6	8	8	0	1	1	0	9	8	0	1
XI	<b>TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	20	0	0	20	15	15	0	5	5	0	20	15	0	5
1	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	20	0	0	20	15	15	0	5	5	0	20	15	0	5
XII	<b>TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	21.659	191	271	21.197	21.305	21.287	18	354	332	22	2.904	2.532	18	354
1	Lĩnh vực Bổ trợ tư pháp	59	0	0	59	59	59	0	0	0	0	50	50	0	0
2	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	224	0	0	224	224	224	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực Đấu giá	1.883	0	0	1.883	1.883	1.883	0	0	0	0	6	6	0	0
4	Lĩnh vực Công chứng	16.645	0	0	16.645	16.645	16.645	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	2.848	191	271	2.386	2.494	2.476	18	354	332	22	2.848	2.476	18	354
XIII	<b>TTHC thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường</b>	105.212	0	33.283	71.929	67.315	66.792	523	37.897	37.897	0	105.212	66.792	523	37.897
XIV	<b>TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	1.778	108	18	1.652	1.751	1.745	6	27	24	3	1.778	1.745	6	27
1	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	1.676	108	6	1.562	1.666	1.666	0	10	10	0	1.676	1.666	0	10
2	Lĩnh vực Đấu thầu	36	0	2	34	34	34	0	2	2	0	36	34	0	2
3	Lĩnh vực Thẩm định dự án	24	0	2	22	22	22	0	2	2	0	24	22	0	2
4	Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
5	Lĩnh vực Xúc tiến đầu tư	29	0	8	21	17	12	5	12	9	3	29	12	5	12
6	Lĩnh vực Kinh tế đối ngoại	11	0	0	11	10	9	1	1	1	0	11	9	1	1

XV	<b>TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	487	0	0	487	464	464	0	23	23	0	487	464	0	23
1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	154	0	0	154	131	131	0	23	23	0	154	131	0	23
2	Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ	333	0	0	333	333	333	0	0	0	0	333	333	0	0
XVI	<b>TTHC do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	107	9	0	98	106	106	0	1	1	0	107	106	0	1
1	Lĩnh vực Văn hóa	94	9	0	85	94	94	0	0	0	0	94	94	0	0
2	Lĩnh vực Du lịch	13	0	0	13	12	12	0	1	1	0	13	12	0	1
XVII	<b>TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	57	0	3	54	57	57	0	3	3	0	0	0	0	0
1	Tiếp công dân	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
2	Xử lý đơn thư	47	0	0	47	47	47	0	0	0	0	47	47	0	0
3	Giải quyết khiếu nại lần 2	3	0	3	0	3	3	0	3	3	0	3	3	0	0
XVIII	<b>TTHC do Ban Dân tộc tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giải quyết khiếu nại lần đầu	5	0	0	5	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
XIX	<b>TTHC do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	16	0	0	16	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0
1	Lĩnh vực quản lý đầu tư	6	0	0	6	6	6	0	0	0	0	6	6	0	0
2	Lĩnh vực Quản lý quy hoạch xây dựng	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
3	Lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường	3	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0

<b>B</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (15 đơn vị cấp huyện)</b>	<b>32.659</b>	<b>933</b>	<b>1.188</b>	<b>30.618</b>	<b>31.307</b>	<b>31.160</b>	<b>147</b>	<b>1.434</b>	<b>1.427</b>	<b>7</b>	<b>30.005</b>	<b>28.900</b>	<b>90</b>	<b>1.015</b>
1	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	15.495	76	759	14.660	14.580	14.443	137	915	908	7	14.151	13.409	80	662
2	Lĩnh vực Tư pháp	7.393	75	39	7.279	7.354	7.345	9	42	42	0	7.388	7.340	9	39
3	Lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội	2.551	236	44	2.271	2.393	2.393	0	158	158	0	2.273	2.115	0	158
4	Lĩnh vực Xây dựng	2.186	0	181	2.005	1.938	1.938	0	248	248	0	1.925	1.834	0	91
5	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	999	103	155	821	1.016	1.016	0	63	63	0	780	722	0	58
6	Lĩnh vực Nội vụ	1.055	440	1	614	1.055	1.055	0	0	0	0	625	625	0	0
7	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	2.639	0	9	2.630	2.633	2.632	1	5	5	0	2.639	2.633	1	5
8	Lĩnh vực Văn hóa thông tin	100	3	0	97	99	99	0	1	1	0	41	41	0	0
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	145	0	0	145	145	145	0	0	0	0	127	127	0	0
10	Lĩnh vực NNPTNT	24	0	0	24	24	24	0	0	0	0	18	18	0	0
11	Lĩnh vực Y tế	42	0	0	42	42	42	0	0	0	0	8	8	0	0
12	Lĩnh vực Thanh tra	30	0	0	30	28	28	0	2	2	0	30	28	0	2
<b>B</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (185 đơn vị cấp xã)</b>	<b>408.475</b>	<b>7.834</b>	<b>272</b>	<b>400.169</b>	<b>407.871</b>	<b>407.812</b>	<b>5</b>	<b>458</b>	<b>452</b>	<b>0</b>	<b>342.217</b>	<b>341.705</b>	<b>3</b>	<b>509</b>
1	Lĩnh vực Địa chính-Xây dựng	9.794	4	111	9.679	9.750	9.715	2	77	71	0	8.961	8.835	0	126
2	Lĩnh vực Tư pháp	386.122	7.830	29	378.263	386.019	386.016	3	103	103	0	321.657	321.551	3	103
3	Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội	11.151	0	132	10.819	10.700	10.679	0	272	272	0	10.336	10.062	0	274
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	12	0	0	12	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0
5	Lĩnh vực Nội vụ	192	0	0	192	192	192	0	0	0	0	192	192	0	0
6	Lĩnh vực Thanh tra	81	0	0	81	77	77	0	4	4	0	81	77	0	4
7	Lĩnh vực Văn hóa thông tin	972	0	0	972	972	972	0	0	0	0	972	972	0	0
8	Lĩnh vực Khác	151	0	0	151	149	149	0	2	2	0	6	4	0	2

Biểu số 06g/VPCP/KSTT  
Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-  
VPCP ngày 31/10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG  
TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý II năm 2018  
(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Đơn vị báo cáo:  
UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>Tổng cộng</b>		<b>731</b>		
<b>I</b>	Lĩnh vực Lý lịch tự pháp	40	dx18-do cơ quan công an trả kết quả xác minh chậm; do kết quả xác minh tại cơ quan công an không rõ ràng phải xác minh thêm thông tin hoặc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với những trường hợp đã từng bị kết án	
<b>II</b>	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	09	dx09-do một số đơn vị chậm trả lời ý kiến thẩm định, trả lời không đúng yêu cầu phải lấy ý kiến nhiều lần; một số đề nghị ưu đãi miễn giảm không thuộc đối tượng điều chỉnh của luật hiện hành nên tốn nhiều thời gian	
<b>III</b>	Lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch	12	b2x9; dx3-do thiếu hồ sơ của công dân	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã b2 = do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết
<b>IV</b>	Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường	669	a3x178; a4x105; b1x45; b2x50; c1x60; c2x85; dx31-do công chức chậm trễ trong quá trình xử lý; dx58-do thời gian kiểm tra thực địa kéo dài; dx55-do chi cục thuế trả Thông báo thuế chậm; dx2-do chậm xác minh hồ sơ	a3 = Quy định tại VBQPPL không hợp lý a4 = Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông) b1 = Thiếu biên chế b2 = Trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết c1 = Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp c2 = Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém
<b>V</b>	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	01	b2x01	Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã b2 = do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết

**II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH (a3x178; a4x105)**

STT (1)	Tên TTHC (2)	Nội dung vướng mắc (3)	Văn bản QPPL (4)
	<i>Lĩnh vực đất đai</i>		
1	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	* <b>a3x178:</b> Thời gian giải quyết trong 01 TTHC chưa hợp lý (ví dụ: Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không cấp đổi giấy chứng nhận thời gian giải quyết hồ sơ 10 ngày, riêng cơ quan thuế giải quyết mất 5 ngày trong khi phần lớn khối lượng công việc do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện; Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định trường hợp hợp lần, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận nhưng theo quy định tại Chi thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định trường hợp lần, chiếm trái pháp luật đất lâm nghiệp thì phải thu hồi để trồng lại rừng mà không quy định thời điểm người đang sử dụng đất lần, chiếm trái phép đất lâm nghiệp; chưa thống nhất việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp người sử dụng đất có nguồn gốc đất do các nông trường giao đất cho người lao động trong nông trường để làm nhà ở, trường hợp người sử dụng đất có giấy tờ chứng nhận của thủ trưởng đơn vị quốc phòng trong đơn xin cấp đất làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 theo Chi thị số 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng...)	- Khoản 2, Điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Chi thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ; - Chi thị số 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
2	Thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thực hiện đồng thời với thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận (đo đo vẽ lại bản đồ); thực hiện đồng thời với việc đăng ký biến động do thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích, số hiệu thửa đất, địa chỉ thửa đất hoặc thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất hoặc thay đổi về tài sản gắn liền với đất		
3	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất; tách thửa hoặc hợp thửa đất theo thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; tách thửa hoặc hợp thửa đất thực hiện đồng thời với việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
4	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức tôn giáo khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	* <b>a4x105:</b> Quá trình thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết TTHC trong việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk còn gặp nhiều khó khăn, chưa quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị trong việc phối hợp giải quyết TTHC.	

5	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp		
6	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
7	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận, trang bổ sung giấy chứng nhận do bị mất		